

LỜI NÓI ĐẦU

Phật dạy ba môn học là VĂN HUỆ, TU HUỆ và TU HUỆ. VĂN HUỆ là nghe hay học được nơi thầy, nơi thiện hữu tri thức. Nhờ học chúng ta mới hiểu biết được những điều cao quý do Phật dạy còn ghi chép trong Tam Tạng giáo điển. Song chúng ta chỉ hiểu biết qua lời giảng dạy của thầy thì chưa thấm nhuần giáo lý nơi tự tâm chúng ta. Cần có TU HUỆ là sự suy gẫm những lời dạy của Phật cho tường tận thấu suốt thì chúng ta mới am tường mới thấm thấu được. Tuy nhiên sau khi am tường lời dạy của Phật rồi, chúng ta còn phải ứng dụng lời dạy ấy vào đời sống hằng ngày của chúng ta là TU HUỆ. Như người bệnh trước phải nhờ thầy thuốc xem mạch, giải thích chứng bệnh cho bệnh nhân hiểu ; kẻ đó bệnh nhân phải suy gẫm lời giải thích của thầy thuốc có đúng bệnh của mình không ? Sau khi biết đúng bệnh phải mua thuốc về uống thì bệnh mới lành. Dù thầy thuốc xem mạch nói đúng, bệnh nhân suy nghĩ hợp lý, mà không chịu mua thuốc về uống thì bệnh nhân không bao giờ được mạnh. Cũng thế, có VĂN, TU mà không TU thì chúng ta không khi nào hết khổ. Mục đích THANH QUI THIỀN VIỆN TRÚC LÂM là nhằm tạo điều kiện cho Tăng. Ni sau khi có VĂN, TU rồi, thực hiện TU cho kết quả tốt.

Sự tu của chúng ta thể hiện qua ý, lời nói, hành động một cách cụ thể bằng pháp Lục Hòa. Đồng thời phải buông bỏ hết những nghiệp chương quá khứ và hiện tại. Chúng ta phải giữ mười giới làm căn bản. Để được thích nghi với nếp sống Thiền Viện, và vui vẻ với huynh đệ, chúng ta phải tuân giữ những điều phụ của NỘI QUI. Muốn cho sự tu hành được thăng tiến, chúng ta mỗi đêm phải thành tâm sám hối cho tội lỗi nhiều kiếp và đời này điều trong sạch...

Trọng tâm của Thiền Viện là tu Thiền. Tất cả Thiền sinh ở đây lấy Thiền làm mạng sống. Vì thế, trong bốn oai nghi Thiền sinh lúc nào cũng tỉnh giác, song thực hiện trọn vẹn hơn là những giờ tọa thiền. Thiền mà Thiền Viện tu tập là Thiền Tông qua sự đúc kết của Tổ Huệ Khả, Huệ Năng và Tổ Trúc Lâm. Do đó đề tên là THANH QUI THIỀN VIỆN TRÚC LÂM.

NỘI QUI

THIỀN VIỆN TRÚC LÂM



I. LỜI NÓI ĐẦU:

Với tinh thần TRÚC LÂM Đại Đầu Đà, Thiền sinh ở đây phải đủ ba đức tính : dứt khoát, kiên quyết và đậm bạc.

1/ Tính dứt khoát là Đòi ra đòi, Đạo ra đạo, tu phải đến nơi đến chốn ; không thể có thái độ lung chùng, mà phải quyết chí tu đến sáng đạo mới được.

2/ Tính kiên quyết là, dù khó khăn chướng ngại do ngoại cảnh hay bản thân tạo ra, đều khẳng định vượt qua. Cương quyết thực hiện kỳ được giải thoát viên mãn mới thôi.

3/ Tính đậm bạc là, cuộc sống đậm bạc giản dị, không chấp nhận mọi thụ hưởng xa hoa. Bản chất thanh đạm là đời sống của Thiền sinh ở đây.

II. LỤC HÒA :

Lục hòa là chất keo gắn chặt lâu bền các Thiền sinh chung sống tu hành tại Thiền Viện. Lục hòa cũng là nền tảng vững chắc của toàn thể Tăng.

1/ THÂN HÒA ĐỒNG TRỤ : Về phần thân, lao động, tu hành, ăn mặc, ngủ nghỉ, Thiền sinh phải hòa đồng nhau.

2/ KHẨU HÒA VÔ TRÁNH : Về phần miệng, nói bàn, tranh luận đều trong tinh thần hòa nhã, trọng đạo đức, không lớn tiếng tranh hơn và dùng lời nặng nhẹ nhau.

3/ Ý HÒA ĐỒNG DUYỆT : Thiền sinh phải tâm ý vui hòa, không có ý ngan ngạnh, chống đối, thù hằn nhau.

4/ KIẾN HÒA ĐỒNG GIẢI : đều đem ra trao đổi giải bày một cách thông cảm và vui Thiền sinh có mọi kiến giải sai biệt trong lúc hạ thủ công phu hay trong khi học giáo lý, về với nhau.

5/ GIỚI HÒA ĐỒNG TU : Về giới luật Thiền sinh đều giữ mười giới làm căn bản và nội qui của Thiền Viện cố gắng gìn giữ thanh tịnh như nhau.

6/ LỢI HÒA ĐỒNG QUÂN : Tất cả tài sản và phẩm vật trong Thiền Viện là của chung của các Thiền sinh hiện có mặt, không ai có quyền giữ riêng hay thụ hưởng nhiều hơn.

III. GIỚI LUẬT :

Giới luật là nền tảng đạo đức, cũng là cái gốc của cây thiền định và hoa quả trí tuệ. Thiền sinh ở đây giữ mười giới làm trọng tâm.

1. KHÔNG SÁT SINH : Từ con người cho đến loài vật, Thiền sinh không được giết hại, hoặc dùng miệng súc bảo người giết hại, hoặc thấy người giết hại sinh tâm vui mừng.

3. KHÔNG TRỘM CẮP : tiền bạc, vật dụng, thức ăn uống... của người, nếu người không cho Thiền sinh không được tự tiện lấy, nếu lấy thành trộm cắp.

4. KHÔNG DÂM DỤC : Thiền sinh không thực hành dâm dục, không tạo phương tiện dâm dục, và không khởi tâm nghĩ tưởng về dâm dục.

5. KHÔNG NÓI DỐI : Thiền sinh không nói sai sự thật, không nói lời ác độc hung dữ, không nói lời gây chia rẽ thù hằn nhau, không nói lời phù phiếm vô nghĩa.

6. KHÔNG ĐEO TRÀNG HOA VÀ UỐP NƯỚC HOA : Thiền sinh không dùng mọi thứ trang sức làm cho thân này sang đẹp.

7. KHÔNG CA MÚA HÁT XUỐNG : Những trò vui, có tính cách đùa cợt loạn tâm, Thiền sinh đều không được tự làm, nghe, xem người khác làm.

8. KHÔNG NẪM NGỒI GIƯỜNG TÒA TO VÀ SANG TRỌNG : Thiền sinh chấp nhận một đời sống đạm bạc, nên không nằm iường ghế to lớn sang trọng.

9. KHÔNG GIỮ TIỀN BẠC VÀNG NGỌC : Thiền sinh chấp nhận đời sống không có tài sản riêng, chỉ có những vật dụng cần thiết do Thiền Viện sắm cho, nên không cần giữ tiền bạc, v.v..

10. KHÔNG ĂN PHI THỜI : Thiền sinh chấp nhận đời sống “tam thường bất túc” để tinh tấn tu hành, nên phải giữ giới không ăn phi thời.

GIỚI THƯỢNG THỪA

Tịnh giới là : Trong 12 giờ, ngoài dứt các duyên, trong tâm không dấy động. Tâm không dấy động nên cảnh đến vẫn an nhàn. Mắt không vì sở duyên thức ra, thức không vì sở duyên cảnh vào. Ra vào không giao thiệp gọi là ngăn dừng. Tuy gọi ngăn dừng mà chẳng phải ngăn dừng. Nên biết, tai, mũi. Lưỡi, thân, ý cũng lại như thế. Đây gọi là giới đại thừa,, gọi là giới vô thượng, cũng gọi là giới vô đẳng đẳng. Tịnh giới này dù Tiểu Tăng cho đến Đại Tăng đều phải gìn giữ.

(Thiền sư Pháp Loa)

IV. PHẦN PHỤ :

Những qui chế phụ giúp Thiền sinh đánh trọn thời giờ trong việc tu hành và tránh khỏi những lỗi nhỏ hoặc vô tình hay cố ý.

1. Thiền sinh hạn chế tối thiểu sự đi lại, trừ trường hợp bệnh nặng phải đi trị bệnh, hoặc thầy Bồn sư bệnh nặng hay tịch, hoặc cha mẹ bệnh nặng hay chết, hoặc vài trường hợp đặc biệt khác.

2. Để giữ giới thứ chín, Thiền sinh được thân nhân hay thí chủ ủng hộ tiền bạc, hoặc đi đâu về tiền còn dư đều sáp nhập vào Viện, giao cho thủ bồn giữ.

3. Thân nhân đến thăm, Thiền sinh chỉ tiếp khách tối đa 30 phút tại nhà khách. Nếu thân nhân còn ở lại, đều do Tri Khách sắp đặt mọi việc.

4. Nhận một trách nhiệm gì trong Viện, Thiền sinh phải tận tình làm cho được vuông tròn, không được làm cảm chừng lầy có.

5. Mọi thời khóa tu công cộng tại Thiền Viện, Thiền sinh không được vắng mặt hoặc trễ nãi, trừ có trách nhiệm đặc biệt.

6. Giờ thỉnh nguyện, Thiền sinh không được đến trễ và xuống sớm trừ có công tác cho chúng.

7. Khi lao tác chung hoặc riêng, Thiền sinh sẵn sàng tương trợ nhau, khi thấy huynh đệ làm công việc nặng nhọc hơn, hoặc trễ nãi hơn, không được vô tình làm ngơ để mặc.

8. Phải tiết kiệm tài sản của Thiền Viện bằng mọi cách, không nên phung phí quá đáng.

9. Không được đi đâu quá thời hạn đã xin phép. Nếu có việc bất ngờ xảy ra, phải giới thiệu về xin phép thêm.

10. Thiền sinh nếu không muốn ở đây, xin phép ra đi tự do không cần điều kiện gì cả. Không được ở đây mà có tâm hướng ngoại.

KẾT THÚC :

Phân giới luật, năm giới trước thuộc về chánh, thiền sinh phạm một trong phần chánh này tùy mức độ nặng nhẹ, nếu nặng thì tự xấu hổ xin rút lui khỏi Viện, nếu nhẹ tự xin sám hối với ban lãnh đạo và toàn chúng. Năm giới sau và phần qui chế phụ là phần phụ, thiền sinh nếu phạm thì tự thấy lỗi xin sám hối, hoặc ban chức sự hay huynh đệ thấy nhắc cũng sẵn sàng sám hối. Song một lỗi mà thiền sinh phạm quá ba lần cũng tự xấu hổ xin rút lui khỏi Thiền Viện.

V. PHÂN TỔ CHỨC :

Tổ chức Thiền Viện là tổ chức chuyên tu Thiền theo tông chỉ Thiền TRÚC LÂM YÊN TỬ ở Việt Nam. Để hướng dẫn và bảo vệ thiền sinh tu hành được kết quả tốt, nên tổ chức những người có trách nhiệm chia làm hai ban : Ban lãnh đạo và ban chức sự.

A. BAN LÃNH ĐẠO :

1/ VIỆN TRƯỞNG : Chịu trách nhiệm hướng dẫn tu hành và quyết định xem xét tổng quát toàn bộ Thiền Viện.

2/ VIỆN PHÓ : Thay thế Viện Trưởng khi vắng mặt hoặc đặt trách một trách nhiệm gì do Viện Trưởng giao phó.

3/ THỦ BỐN : Nhận giữ và chi ra cho các chức sự cần mua sắm cho chúng và Thiền viện. Mỗi tháng phải báo cáo thu chi lên Viện Trưởng.

4/ THƯ KÝ : Giữ giữ những văn kiện, thư từ quan trọng của Thiền Viện. Soạn thảo văn thư và liên lạc qua lại với Giáo hội, Chánh quyền, Phật tử.

B. BAN CHỨC SỰ :

1/ QUẢN CHÚNG : Có trách nhiệm sắp đặt sự tu hành của toàn chúng, chủ lễ các buổi lễ trong Thiền Viện, xem xét sự tu hành và đạo đức của chúng.

2/ TRI SỰ : Sắp đặt phân công nhân sự mọi công tác trong Thiền Viện. Phân chia vật dụng cho chúng Tăng.

3/ TRI KHÁCH : Tiếp xúc các Phật tử và xếp đặt nơi ăn chỗ ở cho khách. Nếu cần ở lại. Hướng dẫn xin giấy và trình giấy với Chánh quyền địa phương cho chư Tăng và Phật tử tạm trú tại Thiền Viện.

4/ TRI KHỔ : Mua sắm những thức ăn uống, sắp đặt cho ban Trị Nhứt nấu nướng những thức ăn thích hợp với nhu cầu cần thiết cho Tăng chúng.

5/ HƯƠNG ĐĂNG: Lau quét điện Phật, chưng cúng hoa quả và hướng dẫn Phật tử hành hương lễ Phật.

6/ THUỞNG BAN VƯỜN : Trồng cây và chăm sóc vườn cây cho tươi tốt, đồng thời biết thu hoạch quả đúng lúc, hoặc bán kịp thời.

7/ TRƯỞNG BAN RÃY: Trồng rau đậu và các thứ cải xú... cho chúng đủ ăn hằng ngày.

8/ TRƯỞNG BAN HOA KIỀNG: Trồng trọt và trông coi chăm sóc toàn thể hoa kiềng trong Thiền Viện, dưới sự chỉ đạo của ban lãnh đạo.

9/ BAN KHÁM BỆNH : Ở nơi xa vắng, Ban Khám Bệnh rất tối cần thiết. Nhờ có Ban Khám Bệnh dập tắt cơn bệnh của chúng từ lúc khởi đầu. Phật đã dạy sẵn sóc người bệnh là sẵn sóc Phật.

VI. PHÂN KHÁCH :

Khách hành hương, tham quan và khách ở lại. Khách ở lại có ngắn hạn và dài hạn. Tất cả khách đều giữ nghiêm trang lịch sự, khi đến Thiền Viện. Thiền Viện chia làm hai phần, Nội Viện và Ngoại viện.

1/ Khách hành hương và khách tham quan : Khách hành hương, tham quan chỉ ở phần ngoại Viện. Trừ khi khách muốn nghiên cứu về đường lối tu hành của Thiền Viện, phải nhờ thầy Tri Khách xin phép, sau đó mới được dẫn vào.

2/ Khách ở lại Thiền Viện ngắn hạn. Nếu khách đến thăm thân nhân, hoặc đến nghiên cứu, chỉ được ở lại không quá 7 ngày.

3/ Khách ở lại dài hạn. Một là khách ở lại thực tập tu dài hạn tại nhà Khách. Hai là khách ở lại xin nhập thất. Hai hạn khách này được ở lại Thiền Viện không quá ba tháng.

Trừ trường hợp tu hành khá đặc lực, muốn xin thêm thời gian cho được mỹ mãn, phải xin Hòa Thượng Viện Trưởng quyết định sau.

4/ Khách ở lại dài hạn, mọi nhu cầu ăn nghỉ đều do Tăng, Ni trong Thiên Viện cung cấp, cần phải hoàn lại chi phí trong thời gian ở, tùy theo khả năng. Nếu có trường hợp đặc biệt do Hòa Thượng Viện Trưởng quyết định.

5/ Khách Ni và Phật tử nữ tuyệt đối không được ở lại đêm nhà Khách Tăng.

VII. THỜI KHÓA TẠI THIÊN VIỆN :

A. HẰNG NGÀY :

Sáng :

3g30 : Ba hồi chuông thức, hô chuông tọa thiền

5g30 : Một hồi chuông xả thiền.

6g15 : Ba tiếng bảng tiểu thực.

7g30 : Ba tiếng kiểng công tác.

11g00 Một hồi kiểng xả công tác.

12g00 Ba tiếng bảng thọ trai.

1g : Ba tiếng chuông nghỉ.

2g : Một hồi ba tiếng chuông thức.

2g30 : Ba tiếng chuông tọa thiền.

4g30 : Một hồi chuông xả thiền.

5g : Ba tiếng bảng tiểu thực.

6g : Ba tiếng chuông sám hối.

7g30 : Ba tiếng và hô chuông tọa thiền.

9g30 : Một hồi chuông xả thiền.

10g : Ba tiếng chuông nghỉ.

B. MỖI THÁNG :

a/ Thỉnh nguyện: ngày 14 – 29 : 2g30 chiều.

b/ Tham vấn : ngày 14 – 29 : 8g sáng.

VIII. PHẦN TUYỂN SINH :

1/ Tuổi : Thiền sinh xin vào Thiền Viện từ 18 tuổi đến 55 tuổi. Ngoại trừ ban chức sự.

2/ Trình độ :

a/ Tu học tại Thiền Viện 3 năm trở lên.

b/ Học xong trường Cơ bản hoặc Cao cấp.

c/ Nếu cư sĩ xin xuất gia nhập chúng, phải có trình độ văn hóa ngoài đời và nhiều năm nghiên cứu thực tập tu Thiền.

3/ Người hâm mộ và quyết chí tu Thiền, khẳng định trong đời này phải sáng đạo mới được.

4/ Không tật nguyên và bệnh truyền nhiễm.

5/ Chấp nhận cuộc sống đạm bạc và lục Hòa.

6/ Làm tờ cam kết không phạm Nội qui của Thiền Viện.

IX KIẾT THÚC.

Bản nội qui là một nhu cầu thiết yếu để bảo vệ sự an ổn của thiền sinh ở Thiền Viện. Nội qui giúp cho Thiền sinh sống hài hòa trong nề nếp đạo đức, khiến sự tu dễ phát triển. Vì thế, mỗi tháng mỗi lần thỉnh nguyện đọc lại nội qui, để Thiền sinh nghĩ nhớ và tự kiểm điểm xem mình có phạm điều nào không. Vì tha thiết tu hành, các Thiền sinh cố nhớ giữ cho được trọn vẹn.

TỜ CAM KẾT

Con tên.....Pháp hiệu.....

Đệ tử của.....Hiện ở.....

Trình độ.....

Xin cam kết sẽ sống đúng nội qui của Thiền Viện. Nếu có phạm Lục hòa hay các giới trọng thuộc về mức độ nặng, con xin tự xấu hổ ra đi khỏi Thiền Viện, không làm phiền Ban Lãnh Đạo phải xử phạt, nếu phạm giới khinh và các điều khoản phụ, quá ba lần sám hối mà không sửa được, con cũng xin xấu hổ tự xuất chúng khỏi Thiền Viện.

Con nguyện cố gắng tinh giác cao để làm tròn bổn phận một thiền sinh tại Thiền Viện.

.....ngày.....tháng.....năm

Bồ sư bảo đảm

Đương sự ký tên

NGHI THỨC SÁM HỐI



KỆ NGUYỆN HƯƠNG

(Quỳ nguyện hương)

Trầm thủy rừng Thiền hương sức nước,
Chiên đàn vườn tuệ đã vun trồng.
Đạo từ bi vớt thành hình non thắm,
Nguyện đốt lò tâm mãi cúng dâng.
Nam mô hương cúng dường Bồ tát.

(3 lần) , (đứng lên)

TÁN PHẬT

Đại từ, đại bi thương chúng sanh,
Đại hỷ, đại xả, cứu hàm thức.
Tướng đẹp sáng ngời dùng trang nghiêm
Chúng con chí tâm thành dâng lễ.

- Chí tâm dâng lễ tất cả chư Phật ba đời tốt hư không khắp pháp giới.(1 lạy)
- Chí tâm dâng lễ tất cả Chánh pháp ba đời tốt hư không khắp pháp giới.(1 lạy)
- Chí tâm dâng lễ tất cả Tăng bát Hiền Thánh ba đời tốt hư không khắp pháp giới.(1 lạy)

TÁN PHÁP

Pháp Phật sâu màu chẳng gì hơn,
Trăm ngàn muôn kiếp khó được gặp.
Nay con nghe thấy vâng gìn giữ,
Nguyện hiểu nghĩa chơn Đức Thế Tôn.
Qui kính Phật, Bồ Tát trên hội Bát Nhã
(3 lần)

TÂM KINH TRÍ TUỆ CỨU KÍNH RỘNG LỚN

Khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành sâu Bát Nhã ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thảy khổ ách. Nầy Xá Lợi Phất ! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như thế. Nầy Xá Lợi Phất ! Tướng “Không” của các pháp, không sanh không diệt, không nhơ không sạch, không thêm không bớt. Cho nên trong tướng “không” không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức ; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý ; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ; không có nhãn giới ; cho đến không có ý thức giới ; không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết cũng không có hết già chết ; không có khổ, tập, diệt, đạo, không có trí tuệ cũng không có chứng đắc. Vì không có chỗ được, nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết bàn. Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa được đạo quả Vô Thượng, Chánh Đẳng, Chánh Giác. Nên biết, Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được hết thảy khổ, chơn thật không dối. Vì vậy nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa liền nói chú rằng : “Yết đế, yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha.

(3 lần)

LỄ PHẬT TỔ

- Chí tâm đánh lễ : Quá khứ Phật Tỳ Bà Thi.
- Chí tâm đánh lễ : Hiện tại Phật Thích Ca Mâu Ni
- Chí tâm đánh lễ : Vị Lai Phật di Lặc Tôn.
- Chí tâm đánh lễ : Tổ sư Đại Ca Diếp
- Chí tâm đánh lễ : Tổ sư A Nan.
- Chí tâm đánh lễ : Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma.
- Chí tâm đánh lễ : Tổ sư Huệ Khả.
- Chí tâm đánh lễ : Tổ sư Huệ Năng.
- Chí tâm đánh lễ : Tổ sư Trúc Lâm Đại Đầu Đà.
- Chí tâm đánh lễ : Tổ sư Pháp Loa.
- Chí tâm đánh lễ : Tổ sư Huyền Quang.
- Chí tâm đánh lễ : tất cả chư vị Tổ sư Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam.

BÀI SÁM HỐI SÁU CĂN

Chí tâm sám hối.

Chúng con từ vô thủy kiếp đến nay ; Bỏ mất bản tâm, không biết chính đạo. Rơi
ba đường khổ, bởi sáu căn lầm ; Không sám lỗi trước, khó tránh lỗi sau.

NGHIỆP CĂN MẮT LÀ :

Nhân ác xem kỹ, nghiệp thiện coi khinh ;
Lầm nhận hoa giả, quên ngấm trắng thật.
Yêu ghét nổi dậy, đẹp xấu tranh giành.
Chợt mắt dối sanh, mờ đường chánh kiến.
Trắng qua xanh lại, tía phải vàng sai.
Nhìn lệch các thứ, nào khác kẻ mù
Gặp người sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang ;
Lòa mắt chưa sanh, bản lai diện mục.

Thấy ai giàu có, giương mắt mãi nhìn.
Gặp kẻ bần cùng, lờ đi chẳng đoái.
Người dung chết chóc, nước mắt ráo khô ;
Thân quyền qua đời, đằm đìa lệ máu.
Hoặc đến Tam Bảo, hoặc vào chùa chiền ;
Gần tượng thấy kinh, mắt không thềm ngó.
Phòng tăng điện Phật, gặp gỡ gái trai ;
Mắt liếc mảy đưa, đăm mê sắc dục.
Không ngại Hộ Pháp, chẳng sợ long thần ;
Trố mắt ham vui, đầu chưa từng cúi.
Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Đều từ mắt sanh, phải sa địa ngục.
Trãi hằng sa kiếp, mới được làm người ;
Dù được làm người, lại bị mù chột.

NGHIỆP CĂN TAI LÀ :

Ghét nghe chánh pháp, thích lắng lời tà ;
Mê mất gốc chơn, đuổi theo ngoại vọng.
Sáo đàn inh ỏi, bảo khúc Long ngâm ;
Văng vẳng mở chuông, coi như ếch nhái.
Câu ví bài vè, bỗng nhiên để dạ ;
Lời kinh câu kệ, không chút lắng tai.
Thoảng nghe khen hảo, khắp khởi mong cầu ;
Biết rõ lời lành đâu từng ung nhận.
Vài ba bạn rượu, năm bảy khách chơi ;
Tán gán bàn dài, châu đầu nghe thích.
Hoặc gặp thầy bạn, dạy bảo đình ninh ;
Những điều hiếu trung, che tai bỏ mặt.
Hoặc nghe tiếng xuyên, bỗng nẩy lòng dâm ;
Nghe nửa câu kinh, dường như tai ngựa.
Những tội như thế, vô lượng vô biên ;

Đầy ắp bụi trần, kể sao cho xiết.

Sau khi mạng chung, rơi ba đường ác ;

Hết nghiệp thọ sanh lại làm người điết.

NGHIỆP CĂN MŨI LÀ :

Thường tham mùi lạ, trăm thứ ngọt ngào ;

Chẳng thích chân hương, năm phần thanh tịnh.

Lan xông sạ ướp, chỉ thích tìm tòi ;

Giới định hương huân, chưa từng để mũi.

Trầm đàn thiêu đốt, đặc trước Phật đài ;

Nghềnh cổ hít hơi, trộm hương phây khói.

Theo dõi hương trầm, Long Thần chẳng nể ;

Chỉ thích mùi săng, trọn không chán mỗi.

Mặt đào má hạnh, lời kéo chẳng lìa ;

Cây giác hoa tâm, xây đi không đoái.

Hoặc ra phố chợ, hoặc vào bếp sau ;

Thấy bản thềm ăn, ưa nơ kiếm nuốt.

Chẳng ngại tanh hôi, không kiên hành tởi ;

Mê mãi không thôi, như lợn nằm ổ.

Hoặc chảy nước mũi, hoặc hiu đàm vàng ;

Bôi cột quẹt thềm làm nơ đất sạch.

Hoặc say nằm ngủ điện Phật phòng Tăng ;

Hai mũi thở hơi, xông kinh nơ tượng.

Ngửi sen thành trộm, nghe mùi thành dâm ;

Không biết không hay, đều do nghiệp mũi.

Những tội như thế, vô lượng vô biên ;

Sau khi mạng chung, đọa ba đường khổ.

Trải nghìn muôn kiếp, mới được làm người ;

Dù được làm người, quả báo bệnh mũi.

NGHỆP CĂN LUỖI LÀ :

Tham đủ mọi mùi, thích xét ngon dở ;

Ném hết các thứ, biể rõ béo gầy.
Sát hại sinh vật, nuôi dưỡng thân mình ;
Quay rán cá chim, nấu hầm cầm thú.
Thịt tanh béo miệng, hành tỏi ruột xông ;
Ăn rồi đòi nữa, nào thấy no lâu.
Hoặc đến đàn chay, cầu Thần lễ Phật ;
Cổ cam bụng đói, đợi lúc việc xong.
Sáng sớm ăn chay, cơm ít nước nhiều ;
Giống hệt người đau, gắng nuốt thuốc, cháo.
Mắt đầy mỡ thịt, cười nói hân hoan ;
Rượu chuốt cơm mời, nóng thay nguội đổi.
Bày tiệc đãi khách, cưới gã cho con ;
Giết hại chúng sanh, vì ba tất lười.
Nói dối bày điều, thiêu dệt bịa thêm ;
Hai lưỡi bồng sanh, ác khẩu dấy khởi.
Chửi mắng Tam Bảo, nguyên rửa mẹ cha ;
Khinh khi Hiền thánh, lừa dối mọi người.
Chê bai người khác, che giấu lỗi mình ;
Bàn luận cổ kim, khen chê nầy nọ.
Khoe khoang giàu có, lãng nhục người nghèo;
Xua đuổi Tăng, Ni, chửi mắng tôi tớ.
Lời dèm thuốc độc, nói khéo tiếng đàn ;
Tô vẽ điều sai, nói không thành có.
Oán hờn nóng lạnh, phỉ nhổ non sông ;
Tán dóc tăng phòng, ba hoa Phật điện.
Những tội như thế, vô lượng vô biên ;
Ví như cát bụi, đếm không thể cùng.
Sau khi mạng chung, vào ngục phạt thiết ;
Cày sắt kéo dài, nước đồng rót mãi.
Quả báo hết rồi, muôn kiếp mới sanh ;

Dù được làm người lại bị cầm bắt.

NGHIỆP CẢN THÂN LÀ :

Tinh cha huyết mẹ, chung hợp nên hình ;

Năm tạng trăm hài, cùng nhau kết hợp.

Chấp cho là thật, quên mất pháp thân ;

Sinh dâm, sát, trộm bèn thành ba nghiệp.

NGHIỆP SÁT SANH LÀ :

Luôn làm bạo ngược, chẳng khởi nhân từ ;

Giết hại bốn loài, đâu biết một thể.

Lâm hại cố giết, tự làm dạy người ;

Hoặc tìm thấy bùa, đem về ếm đối.

Hoặc làm thuốc độc, để hại sinh linh ;

Chỉ cốt hại người, không hề thương vật.

Hoặc đốt núi rừng, lấp cạn khe suối ;

Buông chài bủa lưới, xuýt chó thả chim.

Thấy nghe tùy hỷ, niệm dấy tưởng làm ;

Cử động vận hành, đều là tội lỗi.

NGHIỆP TRỘM CẤP LÀ :

Thấy tài bảo người, thàm khởi tâm tà ;

Phá khóa cạy then, sờ bao mò túi.

Thấy của thường trụ, lòng dấy khởi tham ;

Trộm của nhà chùa, không sợ Thần giận.

Không những vàng ngọc, mới mắc tội to ;

Ngọn cỏ cây kim, đều thành nghiệp trộm.

NGHIỆP TÀ DÂM LÀ :

Lòng mê nhan sắc, mắt đắm phần son ;

Chẳng đoái liêm trinh, riêng sanh lòng dục.

Hoặc nơi đất Phật, Chánh điện phòng Tăng ;

Trai gái cùng nhau, đụng chạm đùa giỡn.

Tung hoa ném quả, đạm căng kẻ vai ;

Khoét gạch treo tường, đều là dâm nghiệp.

Những tội như thế, vô lượng vô biên ;

Đến lúc mạng chung, đều vào địa ngục.

Gái nằm giường sắt, trai ôm cột đồng ;

Muôn kiếp tái sinh, lại chịu tội báo.

NGHIỆP CĂN Ý LÀ :

Nghĩ vợ nghĩ vãn, không lúc nào dừng ;

Mắc mưu tình trần, kệt tâm chấp tướng.

Như tầm kéo kén, càng buộc càng bền ;

Như bướm lao đèn, tự thiêu tự đốt.

Hồn mê chẳng tỉnh, điên đảo dôi sanh ;

Não loạn tâm thần, đều do ba độc.

- Tội keo tham là :

Âm mưu ghen ghét, keo cút vết vợ ;

Mười vốn ngàn lời, còn cho chưa đủ.

Của chứa tội sông, lòng như hủ chảy ;

Rót vào lại hết, nên nói chưa đầy.

Tiền mục lúa hư, không cứu đói rét ;

Lựa là chất đông, nào có giúp ai.

Được người mấy trăm, chưa cho là nhiều ;

Mất mình một đồng, tưởng như hao lớn.

Trên từ châu báu, dưới đến tơ gai ;

Kho đụn chất đầy, chưa từng bố thí.

Bao nhiêu sự việc, ngày tính đêm lo ;

Khổ tứ lao thả, đều từ tham nghiệp.

- Tội nóng giận là :

Do tham làm gốc, lửa giận tự thiêu ;

Quắc mắt quát to, tiêu tan hòa khí.

Không riêng người tục, cả đến thầy tu ;

Kinh luận tranh giành, cùng nhau công kích.

Chê cả sư trưởng, nhieć đến mẹ cha ;
Cỏ nhẫ héo vàng, lửa độc rực cháy.
Buông lời hại vật, cất tiếng hại người ;
Không nhớ từ bi, chẳng theo luật cấm.
Bàn thiên tợ Thánh, thấy cảnh như ngu ;
Dầu ở cửa không, chưa từng vô ngã.
Như cây sinh lửa, lửa cháy đốt cây ;
Những tội trên đây, đều do nghiệp giận.
- Tội ngu si là :

Căn tánh đần độn, ý thức tối tăm ;
Chẳng hiểu tôn ti, không phân thiện ác.
Chặt cây hại mạng, giết gấu gây tay ;
Mắng Phật chuốc ương, phun Trời ước mặt.
Quên ơn quên đức, bội nghĩa bội nhân ;
Không tỉnh không xét, đều do si nghiệp.
Những tội như thế, rất nặng rất sâu ;
Đến lúc mạng chung, rơi vào địa ngục.
Trả ngàn muôn kiếp, mới được thọ sanh ;
Dù được thọ sanh, lại mắc ngu báo.
Nếu không sám hối, đâu được tiêu trừ ;
Nay trước Phật đài, thầy đều sám hối.

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN

Một nguyên nguồn linh tường trong lặng.
Hai nguyên tạng thức dứt lăng xăng.
Ba nguyên khối nghi đều tan nát.
Bốn nguyên trăng định mãi tròn đầy.
Năm nguyên pháp trần không khởi diệt.
Sáu nguyên lưới ái lìa buộc ràng.

Bảy nguyên suy nghĩ hành Thập Địa.
Tám nguyên nghe suốt bỏ tam thiên.
Chín nguyên tâm vượng thôi nhảy nhót.
Mười nguyên ý ngựa dứt cương yên.
Mười một nguyên mở lòng nghe Phật dạy.
Mười hai nguyên mến thích Tổ Sư Thiên.

CHÍ TÂM HỒI HƯỚNG

Chúng con hồi tâm về Thánh Chúng.
Ân cần đầu cúi lễ Từ Tôn.
Thềm thang Thập Địa nguyện sớm lên.
Chơn tâm Bồ Đề không thối chuyển.

PHỤC NGUYỆN

Cửa thiền thường nghiêm tịnh
Toàn chúng mãi thuận hòa.
Phật huệ chiếu sáng ngời.
Mưa pháp hằng nhuần gội;
Phật tử lòng tin sâu,
Ruộng phước càng tăng trưởng.
Chúng sanh sống an lạc,
Vui hưởng cảnh thái bình.
Nơi nơi dứt đao binh,
Mỗi mỗi đều thành Phật.

(đứng lên lễ Phật)

Chí tâm qui mạng lễ, mười phương vô thượng Tam Bảo

(3 lạy)

CẦU AN

Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni.

PHỤC NGUYỆN

Tất cả chúng con thành tâm sám hối, công đức hồi hướng cho Phật tử... được tai ách tiêu trừ oan khiên dứt sạch, bệnh căn thuyên giảm, gia quyến an khang. Lòng tin Tam Bảo càng sâu, tâm từ đối chúng sanh tăng trưởng. Khắp nguyện phước ban tất cả, đức độ quần sanh ; Phật pháp thịnh hưng tam đồ dứt sạch.

Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni.

(toàn chúng niệm)

CẦU SIÊU

Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni.

PHỤC NGUYỆN

Tất cả chúng con thành tâm sám hối, công đức hồi hướng cho hương linh Phật tử ... Pháp danh...

Được phát tâm tỉnh giác lìa khổ u minh, khởi niệm từ bi xa rời ngã quý. Tin sâu Tam Bảo, sinh cõi Phật an vui.

Khắp nguyện, người mất siêu thăng, kẻ còn phúc lạc ; chúng sanh được thấm nhuần mưa pháp, mọi người đều chứng ngộ Phật thừa.

Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni.

NGHI THỨC NGỌ TRAI



Cúng dường Phật pháp thân thanh tịnh Tỳ Lô Giá Na,

Phật báo thân viên mãn Lô Xá Na.

Phật hóa thân ngàn muôn ức Thích Ca Mâu Ni.

Vị lai giảng sanh Phật Di Lặc Tôn,

Thế giới cực lạc Phật A Di Đà.

Mười phương ba đời tất cả chư Phật.

Bồ Tát Đại Trí Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Đại Hạnh Phổ Hiền, Bồ Tát Đại Bi Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Lực Đại Thế Chí, chư Bồ Tát lớn thường hộ pháp. Đại Bát Nhã cứu cánh, ba đức, sáu vị, cúng Phật và tăng, thấy đều cúng dường chúng hữu tình khắp pháp giới. Nếu khi thọ thực, lấy vui thiền định và pháp hỷ đầy đủ làm thức ăn. CÚNG ĐẠI BÀNG

Chim Đại bàng cánh vàng

Chúng quỉ thần rừng núi

Mẹ con quỉ La sát

Cơm bảy hạt no đầy

Án mục đế tóa ha (7 lần)

Vị Tăng xướng :

Phật răn chúng Tăng, khi ăn phải nhớ năm pháp quán. Tán tân nói chuyện của tín thí khó tiêu. Đại chúng nghe tiếng khánh, mỗi người phải nhất tâm chánh niệm.

Tay bưng bát cơm, nguyện cho chúng sanh. Pháp thí thành tựu, nhận người trời cúng dường.

(gắp ba miếng cơm)

1. Nguyên dứt taut cả các điều ác.
2. Nguyên làm tất cả các điều lành.
3. Nguyên độ tất cả chúng sanh.

NĂM PHÁP QUÁN

- 1/ Quán thức ăn này từ đâu đem đến, công của người nhiều hay ít.
- 2/ Quán công đức của mình đủ hay thiếu, mà nhận thức ăn này.
- 3/ Quán thức ăn này cốt đẹp tham sân si.
- 4/ Quán thức ăn này như uống thuốc trị bệnh ôm gây.
- 5/ Quán vì thành đạo nghiệp, mới thọ nhận thức ăn này.

(ĂN XONG TỤNG)

TÂM KINH TRÍ TUỆ CỨU KÍNH RỘNG LỚN

Khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành sâu Bát Nhã ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách. Đây Xá Lợi Phất ! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc ; sắc tức là không không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như thế. Đây Xá Lợi Phất ! Tướng “Không” của các pháp, không sanh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt. Cho nên trong tướng “không” không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức ; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý ; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ; không có nhãn giới ; cho đến không có ý thức giới ; không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết cũng không có hết già chết ; không có khổ, tập, diệt, đạo ; không có trí tuệ cũng không có chứng đắc. Vì không có chỗ được, nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết bàn. Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa được đạo quả Vô Thượng, Chánh Đẳng, Chánh Giác. Nên biết, Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được hết thấy khổ, chơn thật không dối. Vì vậy

nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa, liền nói chú rằng : “Yết đế, yết đế, Ba La yết đế, Ba La tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha” (1 lần)

Thọ trai đã xong, nguyện cho chúng sanh, việc làm đều được đầy đủ Phật pháp.

PHỤC NGUYỆN

Cơm ngày hai bữa, thường nhớ công của kẻ nông phu. Thân mặc ba y, hằng xét nghĩ sự nhọc nhằn của người may dệt.

Thuốc thang giường chõng bởi do nhín ăn bớt mặc của đàn na. Học đạo tiên tu bởi lòng từ dạy răn của Thầy Tổ.

Nguyện cho thí chủ : Ruộng phước thêm nhiều, đạo tâm thêm lớn, cùng chúng sanh khắp trong pháp giới, kẻ mất người còn đồng thành Phật đạo.

Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni.

(toàn chúng niệm)

NGHI THỨC THỈNH NGUYỆN



I - Ý NGHĨA THỈNH NGUYỆN :

Xưa nay các Tự Viện tăng, Ni ở đông đều có lễ bố tát tụng giới mỗi tháng vào hai ngày rằm và 30 âm lịch (tháng thiếu ngày 29). Riêng Thiền Viện thay vì lễ Bố Tát tụng giới làm lễ Thỉnh Nguyện. Chủ yếu lễ Thỉnh Nguyện là kiểm tra lại xem chúng Tăng (chúng Ni) trong nửa tháng qua có phạm lỗi nào trong Lục Hòa, trong mười giới Sa Di và những điều phụ trong bản Nội Qui hay không ? Mỗi vị tự tra xét lại mình, nếu thấy có phạm lỗi thì phải thành tâm sám hối giữa chúng, nếu không thấy phạm lỗi thì cầu xin chúng chỉ bảo những lỗi lầm của mình, tình nguyện vâng lời và chí thành sám hối. Đây là tập Tăng, Ni có tinh thần tự giác cao và ý chí phục thiện mạnh. Những điều phải giữ ở Thiền Viện có tánh cách tối thiểu so với giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát, song bắt buộc phải thực hiện được đầy đủ.

Tăng, Ni ở Thiền Viện phải thể hiện cụ thể những điều gì mình nói được phải làm được, điều gì đã hứa phải thực hiện ngay. Tuyệt đối không hứa rỗng, nói suông, không nói một đằng làm một nẻo. Tăng, Ni phải tập chân thành với lòng mình, ngay thật với mọi người, nhất là những người cùng sống chung trong Thiền Viện với mình. Đây là trọng tâm của tinh thần Thỉnh nguyện.

II NGUYỆN HƯƠNG :

Hương giới hương định cùng hương huệ,

Hương giải thoát giải thoát tri kiến.

Đài mây rực rỡ trùm pháp giới,

Cúng dường Tam Bảo khắp mười phương.

Hôm nay là ngày thỉnh nguyện, đệ tử chúng con đến trước Phật đài thành tâm thỉnh nguyện.

Cúi mong chư Phật, chư Bồ Tát, chư Tăng bậc Thánh Hiền ở khắp mười phương đồng đến đạo tràng này chứng minh, khiến chúng con thỉnh nguyện tội chướng tiêu trừ thân tâm thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt.

Kính mong Tam Bảo thường ở mười phương chứng minh cho lòng thành của chúng con.(3 lần)

III. TÁN PHẬT :

Đại từ, đại bi, thương chúng sanh,

Đại hỷ, đại xả, cứu hàm thức

Tướng đẹp sáng ngời dùng trang nghiêm

- Chúng con tận tâm thành đảnh lễ.Chí tâm đảnh lễ : Tất cả chư Phật ba đời tột hư không khắp pháp giới.

(1 lạy)

- Chí tâm đảnh lễ : Tất cả chư Chánh pháp đời tột hư không khắp pháp giới.

(1 lạy)

- Chí tâm đảnh lễ : Tất cả chư Tăng bậc Thánh Hiền đời tột hư không khắp pháp giới.

(1 lạy)

VI. THỈNH NGUYỆN :

LỜI VỊ CHỦ THỈNH NGUYỆN

- Hôm nay là ngày thỉnh nguyện, toàn chúng lặng lẽ nghe đọc lại Nội Qui. Sau khi nghe xong, mỗi người tự kiểm điểm lại mình, nếu tự xét thấy có lỗi thì ra chúng phát lồ sám hối, bằng không tự thấy có lỗi thì ngồi tại chỗ cầu xin đại chúng vì mình chỉ lỗi cho, để sám hối cho ba nghiệp được thanh tịnh.

- Thầy Tri Sự đọc lại bản Nội Qui.

VỊ CHỦ THỈNH NGUYỆN BẢO: Phần đọc Nội Qui xong, mỗi vị tự kiểm điểm lại mình, theo thứ tự thỉnh nguyện.

MỖI VỊ TỰ THỈNH NGUYỆN: - Kính bạch Thầy và toàn thể đại chúng, trong nửa tháng qua, con tự kiểm điểm thấy có phạm... (hoặc không thấy có phạm lỗi lầm gì).

Ngoài ra, còn có những lỗi lầm gì đã phạm mà con không tự biết, cúi xin Thầy và đại chúng nếu thấy từ bi chỉ cho con, con sẽ y pháp sám hối cho ba nghiệp được thanh tịnh.

(Bây giờ tùy mỗi việc xảy ra, vị chủ Thỉnh Nguyên căn cứ Thanh Qui giải quyết. Người được đại chúng chỉ lỗi phải vui vẻ sám hối và tỏ lòng biết ơn.)

Phản Thầy A xong, tiếp đó....

V. PHẢN NHẮC NHỞ VỊ CHỦ THỈNH NGUYÊN

VI. PHẢN LINH TINH :

Vị Chủ Thỉnh Nguyên hỏi : Phản Thỉnh Nguyên đã xong, trong chúng thấy có điều gì trong Thiền Viện chưa ổn cần thay đổi thì trình bày ý kiến để cùng bàn thảo ...

Vị chủ Thỉnh Nguyên bảo : Mọi việc đã sắp đặt xong, đại chúng hãy xả chân đứng dậy hồi hướng.

VII. PHẢN HỒI HƯỚNG :

Công đức thỉnh nguyện khôn tính kể
Thắng phúc vô biên đồng hướng về
Nguyện khắp pháp giới các chúng sanh,
Thấy đều thể nhập vô sanh nhẫn.
Nguyện tiêu ba chương sạch phiền não
Nguyện được trí tuệ thật sáng ngời
Nguyện mọi tội chương thấy tiêu trừ
Đời đời thường hành đạo Bồ Tát.
Nguyện đem công đức tu hành này
Chơn rải mười phương khắp tất cả
Hết thấy chúng con cùng các loại
Đồng được lên ngôi vô thượng giác.

BA TỰ QUI

- Tự qui y Phật, nguyện cho chúng sanh, hiểu thấu đại đạo, Phát tâm vô thượng.
(1 lạy)

- Tự qui y Pháp, nguyện cho chúng sanh, thâm nhập tam tạng, trí tuệ như biển.
(1 lạy)

- Tự qui y Tăng, nguyện cho chúng sanh, quản lý đại chúng tất cả không ngại.
(1 lạy)